

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 16 tháng 8 năm 2021

Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Lương Quang Toán

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện NH, tỉnh TQ. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thăng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện NH, tỉnh TQ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày:

Chị và anh Lý Văn T kết hôn vào năm 2011, nhưng đến ngày 09/01/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện NH, tỉnh TQ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không có tình cảm với nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh T nhiều lần chửi mắng và đánh chị, cụ thể ngày 22/01/2021 anh T đánh chị gãy chân chị phải vào bệnh viện điều trị, thực tế hai vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Tại phiên tòa chị D vẫn giữ nguyên ý kiến, chị xác định mâu thuẫn giữa chị

và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Lý Văn T có 03 con chung là: Cháu Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; cháu Lý Văn T2, sinh ngày 22/11/2012; cháu Lý Văn T3, sinh ngày 11/7/2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lý Văn T3; anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lý Văn T1 và Lý Văn T2, chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lý Văn T2 với mức là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ theo quý (03 tháng một lần).

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh T có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai; biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lý Văn T trình bày:

Về nội dung việc kết hôn như chị D đã trình bày là đúng thực tế, cụ thể:

Anh và Chị Đặng Thị D kết hôn với nhau vào năm 2011, nhưng đến ngày 09/01/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện NH, tỉnh TQ. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình chưa đến mức ly hôn, đến năm 2019 chị D đi làm công ty không quan tâm đến gia đình và các con, anh có đi đón chị D về để cùng chăm sóc con cái nhưng chị D không nghe, từ đó chị D mới có ý định ly hôn với anh, thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay, trong suốt quá trình sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Tại phiên tòa, anh T xác định cho đến nay mâu thuẫn giữa anh và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D đề nghị ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Anh và chị Đặng Thị D có 03 con chung là: Cháu Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; cháu Lý Văn T2, sinh ngày 22/11/2012; cháu Lý Văn T3, sinh ngày 11/7/2017. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung là cháu Lý Văn T1, Lý Văn T2 và Lý Văn T3, đề nghị chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh đối với các cháu Lý Văn T1, Lý Văn T2 và Lý Văn T3 mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng.

Nếu HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Lý Văn T3 cho chị D nuôi dưỡng thì chị D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 với mức là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ theo quý (03 tháng một lần).

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị D có một số tài sản chung nhưng tự thỏa

thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị D không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến phù hợp với yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của nguyên đơn: Về hôn nhân đề nghị HĐXX công nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự; về con chung đề nghị giao con chung là cháu Lý Văn T3 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 con chung là cháu Lý Văn T1 và Lý Văn T2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 500.000 đồng/tháng; về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị D và anh Lý Văn T.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Lý Văn T, sinh ngày 11/7/2017 cho chị Đặng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao 02 con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Lý Văn T2, sinh ngày 22/11/2012 cho anh Lý Văn T3 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đặng Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ theo quý.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị D và anh Lý Văn T, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí; quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 171, 173 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đặng Thị D; các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị D và Lý Văn T (bản phô tô); Giấy khai sinh mang tên Lý Văn T1, Lý Văn T2 và Lý Văn T3 (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; bị đơn; lấy lời khai của con chưa thành niên; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành xác minh tại thôn Bản Cuôn, xã Yên Hoa; xác minh tại Công an xã Yên Hoa, huyện Na Hang; xác minh tại UBND xã Y, huyện NH; xác minh tại thôn KT, xã HT.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị D và anh Lý Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp; Chị D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn anh Lý Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Y, huyện NH, tỉnh TQ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Đặng Thị D và anh Lý Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện NH là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Tại phiên tòa chị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị xác định, quá trình chung sống anh Tài có hành vi bạo lực gia đình, đánh chị, mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh T; quá trình giải quyết vụ án anh T không nhất trí ly hôn nhưng tại phiên tòa anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên anh cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh tại thôn C, xã Y, xác minh tại Công an xã Y có cơ sở xác định giữa chị D và anh T có xảy ra mâu thuẫn, anh T có hành vi bạo lực gia đình đánh chị D, sự việc đã được Công an xã Y giải quyết 2 lần và anh T cũng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh đập gây thương tích cho thành viên trong gia đình”, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm đầu năm 2021 cho đến nay là đúng thực tế. Cả hai cùng xác định từ lâu hai vợ chồng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đến thời điểm hiện nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị D đề nghị ly hôn, anh T cũng nhất trí ly hôn. Căn cứ các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị D với anh Lý Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị D và anh T sinh được 03 con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011; cháu Lý Văn T2, sinh ngày 22/11/2012; cháu Lý Văn T3, sinh ngày 11/7/2017, chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Văn T3; còn anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Văn T1 và Lý Văn T2, về việc cấp dưỡng chị sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 500.000 đồng/tháng; Anh Lý Văn T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng. Nếu Tòa án xử giao cho chị D nuôi cháu Lý Văn T3 thì đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 là 500.000 đ/tháng.

Việc chị D và anh T đề nghị được trực tiếp nuôi con là căn cứ, việc giao nuôi con chung sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và cha mẹ có quyền nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn, nên cần được xem xét trên cơ sở căn cứ vào điều kiện thực tế của chị D và anh T.

HĐXX xét thấy, theo kết quả xác minh tại thôn C, xã Y; xác minh tại UBND xã Y và xác minh tại thôn KT, xã HT, thể hiện: Từ khi kết hôn cho đến nay chị D và anh T đều ở cùng bố mẹ anh T; hiện nay anh T cùng các con vẫn sống cùng bố mẹ tại thôn C; còn chị D từ khi ly thân đã chuyển về sống tại thôn KT, xã HT, tại thôn KT, xã HT bố mẹ chị D đã chết có để lại một phần đất đai cho chị nhưng chưa làm nhà, hiện nay chị đang ở cùng anh trai ruột. Về nghề nghiệp quá trình xác minh tại địa phương cho thấy chị D và anh T đều ở nhà làm nông nghiệp có mức thu nhập tương đương nhau nên cả hai bên đều đảm bảo các điều kiện về nuôi dưỡng con chung. Anh T đề nghị được trực tiếp được nuôi cả 03 con chung và đề nghị chị D cấp dưỡng, tuy nhiên với điều kiện về chỗ ở, nghề nghiệp, kinh tế của anh T việc nuôi dưỡng cả 03 con chung sẽ không bảo đảm về quyền lợi về mọi mặt cho các con cũng như ảnh hưởng đến quyền nuôi con của chị D; quá trình lấy lời khai của các con đủ 07 tuổi cháu Lý Văn T1 và Lý Văn T2 có nguyện vọng được ở với bố, cháu Lý Văn T3 còn nhỏ giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của các con cần giao cháu Lý Văn T1 và Lý Văn T2 cho anh Lý Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Lý Văn T3 cho chị Đặng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với điều kiện của các đương sự.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 là 500.000 đồng/tháng, HĐXX xét thấy việc anh T đề nghị cấp dưỡng là có căn cứ. Quá trình xác minh tại địa phương cả anh T và chị D đều có nghề nghiệp là làm nông nghiệp, xác minh tại thôn C, xã Y thì mức thu nhập bình quân là khoảng 2.500.000 đồng/tháng; xác minh tại UBND xã Y thì mức thu nhập bình quân đầu người là 2.336.000 đồng/tháng, mức chi phí bình quân để đảm

bảo điều kiện về sinh hoạt học tập của 01 cháu nhỏ học tiểu học khoảng 1.000.000 đồng/tháng; anh T khai mức thu nhập bình quân của bản thân là 5.000.000đ – 6.000.000đ/tháng; chị D khai mức thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng 4.000.000đ/tháng. Căn cứ mức thu nhập như trên thì việc anh T đề nghị mức cấp dưỡng 500.000 đồng đối với cháu Lý Văn T2 là phù hợp, chị D cũng nhất trí với mức cấp dưỡng trên. Trong vụ án này anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung còn chị D trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung nên chị D phải cấp dưỡng nuôi con đối với 01 cháu là phù hợp, cả anh T và chị D đều có ý kiến đề nghị cấp dưỡng đối với cháu Lý Văn T2 với mức là 500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu Lý Văn T2 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ theo quý (03 tháng một lần) nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết chị Đặng Thị D và anh Lý Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Do chị D thuộc trường hợp được miễn án phí, chị D đã có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị D; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Đặng Thị D.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị D và anh Lý Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lý Văn T1, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Lý Văn T2, sinh ngày 22/11/2012 cho anh Lý Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao con chung là cháu Lý Văn T3, sinh ngày 11/7/2017

cho chị Đặng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đặng Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Văn T2 là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu Lý Văn T2 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ theo quý (03 tháng một lần).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Đặng Thị D; trả lại cho chị Đặng Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004951, ngày 07/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang.

Anh Lý Văn T không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã Yên Hoa (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nhâm Lương Quang Toán

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thúc

.